Đơn vị: Phòng Kinh tế phường Thành Đông
Chương: 831

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (09 THÁNG)

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phòng Kinh tế phường Thành Đông công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp**				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	**Chi quản lý hành chính**				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**31.064.778.853**	**16.304.548.566**	**52**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**31.064.778.853**	**16.304.548.566**	**52**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**5.483.033.853**	**4.905.628.470**	**89**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	2.054.065.304	1.656.921.161	81	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	3.428.968.549	3.248.707.309	95	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**145.600.000**	**16.500.480**	**11**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	60.000.000			

Đơn vị: Phòng Kinh tế phường Thành Đông

Chương: 831

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	85.600.000	16.500.480	19	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	85.600.000	16.500.480	19	
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**347.987.000**	**254.403.616**	**73**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	347.987.000	254.403.616	73	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**3.554.000.000**	**94.016.000**	**3**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.554.000.000	94.016.000	3	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**21.332.000.000**	**11.034.000.000**	**52**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21.332.000.000	11.034.000.000	52	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
11	**Chi khác**	**202.158.000**			
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	202.158.000			
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				

Đơn vị: Phòng Kinh tế phường Thành Đông
Chương: 831

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				

Phường Thành Đông, Ngày 01 tháng 10 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
P. THÀNH ĐÔNG T.P HẢI PHÒNG

Lê Tuấn Anh